TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG** Bản án số: 175/2022/DS-PT Ngày 07-12-2022 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành.

Ông Trần Nam Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30-11-2022, ngày 07-12-2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2022/TLST-DS ngày 20-5-2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 13-4-2022 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 80/2022/QĐ-PT ngày 02-6-2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Thanh P. Địa chỉ: khóm B, phường M, thị xã NN, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:*

1/. Ông Đặng Văn G (có mặt);

2/. Bà Lê Thị Út N (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số MMH, ấp TT, xã LB, thị xã NN, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người làm chứng:*

1/. Ông Lê Thanh Sang, địa chỉ: Khóm M, phường M, thị xã NN, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: Nhà Tạm giữ Công an huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Ông Nguyễn Minh Đương, địa chỉ: ấp LH, xã TL, thị xã NN, tỉnh Sóc Trăng; đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã NN, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo:* Ông Đặng Văn G và bà Lê Thị Út N, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23-4-2021 và trình bày của ông Đoàn Thanh P:

Vào ngày 05-3-2020, vợ chồng ông Đặng Văn G và bà Lê Thị Út N có vay của ông P số tiền 370.000.000 đồng. Khi vay có làm biên nhận, nhưng biên nhận không ghi lãi suất mà thỏa thuận ông G sẽ trả tiền lãi hàng tháng với mức lãi suất 5%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả vốn. Trong quá trình vay đến nay thì ông G không có trả lãi đúng như thỏa thuận mà cứ hẹn nhiều lần. Ông không nhớ ngày nào ông G trả lãi cho ông nhưng ông nhớ có trả cho ông 02 lần tiền lãi với số tiền là 25.000.000 đồng và ngưng đến nay thì không chịu trả lãi nữa. Ông P đã nhiều lần yêu cầu ông G, bà N trả nợ nhưng vợ chồng ông G không chịu trả. Ông G hứa khi nào thi hành án xong bản án giữa ông G với ông Đặng Văn Út sẽ trả cho ông. Đến ngày 22-4-2021 ông G đã nhận được số tiền thi hành án là 400.000.000 đồng từ ông Út nhưng ông G vẫn không trả tiền cho ông theo thỏa thuận.

Ông Đoàn Thanh P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Đặng Văn G, bà Lê Thị Út N trả số tiền vốn là 370.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 05-3-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Ông P đồng ý cấn trừ số tiền lãi 25.000.000 đồng mà ông G đã trả.

- Theo đơn phản tố ngày 17-5-2021 và trình bày của ông Đặng Văn G, bà Lê Thị Út N:

Vào ngày 01-4-2019, ông Đặng Văn G, bà Lê Thị Út N có vay của ông Minh Trước số tiền 700.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Khoảng hai tháng sau thì ông Trước chuyển số tiền vay này lại cho ông P. Ông Trước cho vay lãi suất 9%/tháng, còn ông P cho vay lãi suất 6%/tháng. Thời hạn vay là bốn tháng. Vợ chồng ông G đã trả cho ông P được 330.000.000 đồng, còn lại 370.000.000 đồng gốc. Vợ chồng ông G không có khả năng trả số tiền gốc còn nợ nhưng đã trả cho ông P tổng cộng 205.000.000 đồng lãi.

Ông G, bà N phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết trừ số tiền lãi 205.000.000 đồng đã trả vượt mức quy định pháp luật vào 370.000.000 đồng gốc còn nợ, còn lại 165.000.000 đồng gốc thì ông G, bà N đồng ý trả cho ông P.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 13-4-2022, Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định (tóm tắt):

"1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Thanh P.

Buộc các bị đơn ông Đặng Văn G và bà Lê Thị Út N có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn ông Đoàn Thanh P tổng số tiền còn nợ là 500.187.800 đồng (Năm trăm triệu một trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm đồng). Trong đó, tiền vốn gốc là 370.000.000 đồng và tiền lãi là 130.187.800 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của các bị đơn ông Đặng Văn G và bà Lê Thị Út N về cấn trừ số tiền lãi đã đóng là 205.000.000 đồng (Hai trăm lẽ năm triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc các bị đơn ông Đặng Văn G và bà Lê Thị Út N liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm 24.007.512 (Hai mươi bốn triệu không trăm lẽ bảy nghìn năm trăm mười hai đồng) và tiền án phí phản tố 10.250.000 đồng (Mười triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 34.257.512 đồng (Ba mươi bốn triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm mười hai đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí các bị đơn đã đóng 5.125.000 đồng (Năm triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007791, ngày 04-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Các bị đơn ông Đặng Văn G và bà Lê Thị Út N còn phải nộp thêm số tiền án phí là 29.132.512 đồng (Hai mươi chín triệu một trăm ba mươi hai nghìn năm trăm mười hai đồng).

+ Nguyên đơn ông Đoàn Thanh P không phải chịu án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 9.250.000 đồng (Chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007746 ngày 23-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.”

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 25-4-2022, ông Đặng Văn G, bà Lê Thị Út N cùng kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông G, bà N.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đoàn Thanh P không rút lại đơn khởi kiện, ông Đặng Văn G không rút đơn phản tố và đơn kháng cáo; các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, việc tuân thủ, chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối

với kháng cáo của bà Lê Thị Út N; áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn và sửa một phần bản án sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 13-4-2022, Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của ông Đặng Văn G, bà Lê Thị Út N phù hợp quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Bà Lê Thị Út N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên xem như từ bỏ việc kháng cáo, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà N.

[3] Đối với việc ông Đặng Văn G, bà Lê Thị Út N yêu cầu Tòa án giải quyết trừ số tiền lãi 205.000.000 đồng mà ông G cho rằng đã đóng vượt mức quy định pháp luật vào 370.000.000 đồng gốc còn nợ ông Đoàn Thanh P, Hội đồng xét xử nhận thấy đây không phải là yêu cầu phản tố theo quy định tại Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, cấp phúc thẩm điều chỉnh lại và xem xét, giải quyết yêu cầu này của ông G, bà N cùng với việc giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của ông P, đồng thời trả lại cho ông G, bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thừa nhận của ông Đoàn Thanh P, ông Đặng Văn G; căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định các tình tiết sau là sự thật:

[4.1] Ông Đặng Văn G có vay của ông Đoàn Thanh P số tiền 700.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng. Ông G đã thanh toán cho ông P số tiền 330.000.000 đồng vào ngày 05-3-2020. Ngày 02-01-2021, ông G và ông P lập Tờ biên nhận (bút lục số 41) với nội dung tính đến ngày 02-01-2021, ông G còn nợ ông P số tiền 50.670.000 đồng lãi, 370.000.000 đồng gốc và từ ngày này đến nay, ông G không thanh toán cho ông P được khoản tiền gốc nào.

[4.2] Chữ viết các con số, ngày tháng năm ở mặt trước của Tờ giấy tập học sinh (được đánh bút lục số 47 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng) là chữ viết của ông P và còn chữ ký, chữ viết họ tên "Lý Tố K" trong tài liệu này là của bà Lý Tố K, vợ ông P. Còn mặt sau thể hiện cha của ông P là ông Đoàn Văn B có nhận của ông G số tiền 15.000.000 đồng lãi vào ngày 17-01-2020 và nhận 10.000.000 đồng lãi vào ngày 31-01-2020.

[5] Xét yêu cầu của ông Đặng Văn G đề nghị trừ số tiền 205.000.000 đồng lãi đã thanh toán cho ông Đoàn Thanh P vào 370.000.000 đồng gốc còn nợ theo Tờ giấy tập học sinh (bút lục số 47), Hội đồng xét xử nhận thấy tài liệu này gồm hai mặt có nội dung, cụ thể như sau:

[5.1] Mặt sau thể hiện ông G đã thanh toán cho ông P số tiền lãi tổng cộng là 25.000.000 đồng và do cha của ông P là ông Đoàn Văn B nhận vào ngày 17-01-2020 và ngày 31-01-2020. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P và ông G thống nhất xác định các khoản tiền lãi đã được thanh toán trước ngày 05-3-2020 thì ông G không yêu cầu trừ vào số tiền 370.000.000 đồng gốc còn nợ ông P nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đối với hai khoản tiền này.

[5.2] Còn mặt trước do ông Đoàn Thanh P viết các con số và thời gian (có chữ ký, chữ viết của bà Lý Tố K) được thể hiện như sau:

"Tiền cũ con $23^{T}400$

18/5/2020 nhận 10^{T}

1/6/2020 nhận 10^{T}

20/6/2020 nhận 10^{T}

9/7/2020 nhận 10^{T}

28/7/2020 nhận 10^{T}

31/8/2020 nhận 20^{T}

17/9/2020 nhận 10^{T}

5/10/2020 nhận 10^{T}

20/10/2020 nhận 10^{T}

4/11/2020 nhận 10^{T}

21/11/2020 nhận 20^{T}

4/12/2020 nhận 10^{T}

18/12/2020 nhận 10^{T}

2/1/2021 nhận 10^{T}"

$187^{T}270$

$-\ 160\ 000$

$027^{T}270$

$+\ 23^{T}400$

$50^{T}670$

1^{T} 24/5

2^{T} 23/6

3^{T} 23/7

4^{T} 22/8

5^{T} 21/9

6^{T} 21/10

7^{T} 20/11

8^{T} 20/12

13 ngày 2/1/2021

253 ngày =

$187^{T}220$"

[5.3] Về ý nghĩa của các nội dung trên, ông G cho rằng là thời gian và số tiền lãi ông G trả cho ông P, các ký hiệu "nhận 10^{T}", "nhận 20^{T}" là viết tắt của số tiền lãi 10.000.000 đồng, 20.000.000 đồng mà ông P đã nhận của ông G. Theo trình bày ông P tại phiên tòa phúc thẩm và của bà Lý Tố K tại biên bản ngày 04-01-2022 thì thể hiện việc ông P, bà K ký nhận hàng hóa của người bán

giao cho quán kinh doanh karaoke (có phục vụ bia, nước giải khát) của ông P, bà K; các ký hiệu "nhận 10^{T}", "nhận 20^{T}" là viết tắt của 10 thùng, 20 thùng bia hoặc nước giải khát mà ông P, bà K ký nhận của người bán. Lý do ông G có tờ giấy này là vì ông Đoàn Văn B (cha của ông P) khi nhận số tiền 15.000.000 đồng vào ngày 17-01-2020 và 10.000.000 đồng vào ngày 31-01-2020 của ông G thì ông B lấy tờ giấy có một mặt giấy còn trống ở quầy của quán karaoke để ghi biên nhận nhận tiền do ông G trả và giao biên nhận này cho ông G, mặt còn lại đã có sẵn chữ viết của ông P và chữ ký, viết họ tên "Lý Tố K" của bà K thể hiện ông P, bà K nhận các loại bia, nước giải khát để kinh doanh.

[5.4] Hội đồng xét xử thấy rằng ý kiến trên của ông P là không phù hợp, bởi lẽ ông P và ông G đều xác định giữa hai bên không có mua bán gì với nhau và thời gian thực hiện việc "nhận 10^{T}", "nhận 20^{T}" từ ngày 18-5-2020 đến ngày 02-01-2021 trong mặt trước của tài liệu trên đều diễn ra sau thời gian ông G trả số tiền 25.000.000 đồng cho ông P thông qua ông B nhận vào các ngày 17-01-2020, ngày 31-01-2020 và được thể hiện tại mặt sau của tài liệu.

[5.5] Các ký hiệu "nhận 10^{T}", "nhận 20^{T}" tuy không thể hiện cụ thể là nhận 10.000.000 đồng, 20.000.000 đồng hay là nhận 10 thùng, 20 thùng bia, nước giải khát. Nhưng phía trên cùng lại thể hiện khoản tiền với hàng chữ "Tiền cũ con $23^{T}400$", tổng cộng của các ký hiệu "nhận 10^{T}", "nhận 20^{T}" từ ngày 18-5-2020 đến ngày 02-01-2021 là 160^{T} và kết quả sau khi tính toán có ký hiệu "$50^{T}670$" cùng với ngày nhận 10^{T} cuối cùng (ngày 02-01-2021) hoàn toàn phù hợp với khoản tiền lãi 50.670.000 đồng đã được ông P và ông G xác nhận còn nợ đến ngày 02-01-2021 tại Tờ biên nhận chốt nợ (bút lục số 41). Đồng thời, như đã nêu tại đoạn [4.1], hai bên cũng thừa nhận từ ngày 02-01-2021 cho đến nay, ông G không trả cho ông P được khoản tiền gốc nào nên đủ cơ sở xác định các ký hiệu "nhận 10^{T}", "nhận 20^{T}" được nhận từ ngày 18-5-2020 đến ngày 02-01-2021 là chữ viết tắt của số tiền 10.000.000 đồng lãi, 20.000.000 đồng lãi đã được ông G thanh toán cho ông P. Án sơ thẩm không chấp nhận việc trả tiền của các bị đơn theo tài liệu này là không phù hợp.

[6] Đối với Biên nhận nhận tiền còn lại do ông Đặng Văn G cung cấp (bút lục số 48), Hội đồng xét xử nhận thấy Biên nhận này cũng được lập trên hai mặt giấy tập học sinh, trong đó thể hiện ông Lê Thanh Sang có nhận tiền của ông G hai lần, mỗi lần nhận 5.000.000 đồng vào các ngày 07-02-2021, ngày 11-02-2021 và ông Sang cùng với ông Nguyễn Minh Đương nhận của ông G số tiền 15.670.000 đồng, nhưng không ghi ngày nhận. Sau khi kháng cáo, ông G và bà Lê Thị Út N yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Sang, ông Đương trong Biên nhận này và tại Kết luận giám định số 331/KLGĐTL-KTHS ngày 21-10-2022, Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Sóc Trăng đã xác định:

[6.1] Chữ ký từ "Đương" và chữ viết tên "Nguyễn Minh Đương" dưới hai mục "người nhận" trong Biên nhận trên (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của

ông Nguyễn Minh Đương trong văn bản lập ngày 24/8/2022 có xác nhận của Nhà Tạm giữ Công an thị xã NN (ký hiệu M1) do cùng một người ký, viết ra.

[6.2] Chữ ký từ "Sang" và chữ viết tên "Lê Thanh Sang" dưới ba mục "Người nhận" trong Biên nhận trên (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của ông Lê Thanh Sang trong Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 21-9-2022, Đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 21-9-2022, Biên bản giao nhận tài liệu, chứng cứ ngày 21-9-2022 (ký hiệu M2, M3, M4) do cùng một người ký, viết ra.

[6.3] Đồng thời, theo trình bày của ông Lê Thanh Sang tại các biên bản lấy lời khai ngày 21-9-2022, ngày 05-12-2022 thì ông Sang là người làm công cho cơ sở kinh doanh karaoke Kim Ngân do ông P làm chủ tại Khóm M, Phường M, thị xã NN, tỉnh Sóc Trăng; còn ông Đương là bạn ông Sang và chữ ký, chữ viết tên "Lê Thanh Sang" trong Biên nhận trên là của ông Sang. Vào các ngày 07-02-2021, ngày 11-02-2021 ông Sang có trực tiếp nhận tiền của ông G gởi trả ông P, mỗi lần trả 5.000.000 đồng và ông Sang, ông Đương còn nhận thêm số tiền 15.670.000 đồng của ông G nhưng không rõ thời gian nhận. Sau khi nhận các khoản tiền này, ông Sang và ông Đương đều đã giao lại cho ông P.

[6.4] Vì vậy, đủ cơ sở xác định ba khoản tiền theo Biên nhận trên cũng là tiền lãi mà ông G thanh toán cho ông P.

[7] Từ phân tích tại các đoạn [5], [6], Hội đồng xét xử xác định ông G đã thanh toán cho ông P được số tiền lãi tổng cộng là 185.670.000 đồng, cụ thể như sau: Thanh toán mười hai lần, mỗi lần 10.000.000 đồng vào các ngày 18-5-2020, ngày 01-6-2020, ngày 20-6-2020, ngày 09-7-2020, ngày 28-7-2020, ngày 17-9-2020, ngày 05-10-2020, ngày 20-10-2020, ngày 04-11-2020, ngày 04-12-2020, ngày 18-12-2020, ngày 02-01-2021; Thanh toán hai lần, mỗi lần 20.000.000 đồng vào các ngày 31-8-2020, ngày 21-11-2020; Thanh toán hai lần, mỗi lần 5.000.000 đồng vào các ngày 07-02-2021, ngày 11-02-2021 và lần cuối thanh toán 15.670.000 đồng, nhưng không xác định được ngày. Và như đã xác định tại đoạn [4.1], vào ngày 05-3-2020 ông G đã thanh toán cho ông P 330.000.000 đồng gốc, còn nợ 370.000.000 đồng gốc cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, ông G và ông P trình bày không thống nhất về mức lãi suất đã thỏa thuận nhưng việc thanh toán lãi của số tiền gốc 370.000.000 đồng còn nợ kể từ ngày 01-6-2020 thực tế đã cao hơn mức 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng) được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; theo Điều 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì "*Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận về lãi suất cao hơn mức lãi suất được pháp luật quy định thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực; số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi; số tiền lãi đã trả vượt quá còn lại sau khi đã trừ hết nợ gốc thì được trả lại cho bên vay*". Do đó, số tiền gốc lãi ông G còn nợ ông P

được điều chỉnh lại cho phù hợp và tương ứng với thời gian, số tiền đã trả như sau:

[7.1] Tiền lãi của số tiền 370.000.000 đồng gốc từ ngày 06-3-2020 đến ngày 18-5-2020: 370.000.000 đồng x 02 tháng 12 ngày x 1,66%/tháng = 14.740.800 đồng. Ông G đã thanh toán 10.000.000 đồng, còn nợ lại 4.740.800 đồng lãi.

[7.2] Tiền lãi của số tiền 370.000.000 đồng gốc từ ngày 19-5-2020 đến ngày 01-6-2020: 370.000.000 đồng x 13 ngày x 1,66%/tháng = 2.661.533 đồng. Ông G đã thanh toán 10.000.000 đồng, còn thừa 7.338.467 đồng; sau khi trừ số tiền này vào tiền gốc, ông G còn nợ 362.661.533 đồng gốc.

[7.3] Tiền lãi của số tiền 362.661.533 đồng gốc từ ngày 02-6-2020 đến ngày 20-6-2020: 362.661.533 đồng x 18 ngày x 1,66%/tháng = 3.611.611 đồng. Ông G đã thanh toán 10.000.000 đồng, còn thừa 6.388.389 đồng; sau khi trừ số tiền này vào tiền gốc, ông G còn nợ 356.273.144 đồng gốc.

[7.4] Tiền lãi của số tiền 356.273.144 đồng gốc từ ngày 21-6-2020 đến ngày 09-7-2020: 356.273.144 đồng x 18 ngày x 1,66%/tháng = 3.548.481 đồng. Ông G đã thanh toán 10.000.000 đồng, còn thừa 6.451.519 đồng; sau khi trừ số tiền này vào tiền gốc, ông G còn nợ 349.821.625 đồng gốc.

[7.5] Tiền lãi của số tiền 349.821.625 đồng gốc từ ngày 10-7-2020 đến ngày 28-7-2020: 349.821.625 x 18 ngày x 1,66%/tháng = 3.484.223 đồng. Ông G đã thanh toán 10.000.000 đồng, còn thừa 6.515.777 đồng; sau khi trừ số tiền này vào tiền gốc, ông G còn nợ 343.305.848 đồng gốc.

[7.6] Tiền lãi của số tiền 343.305.848 đồng gốc từ ngày 29-7-2020 đến ngày 31-8-2020: 343.305.848 đồng x 01 tháng 02 ngày x 1,66%/tháng = 6.078.802 đồng. Ông G đã thanh toán 20.000.000 đồng, còn thừa 13.921.198 đồng; sau khi trừ số tiền này vào tiền gốc, ông G còn nợ 329.384.650 đồng gốc.

[7.7] Tiền lãi của số tiền 329.384.650 đồng gốc từ ngày 01-9-2020 đến ngày 17-9-2020: 329.384.650 đồng x 16 ngày x 1,66%/tháng = 2.916.152 đồng. Ông G đã thanh toán 10.000.000 đồng, còn thừa 7.083.848 đồng; sau khi trừ số tiền này vào tiền gốc, ông G còn nợ 322.300.802 đồng gốc.

[7.8] Tiền lãi của số tiền 322.300.802 đồng gốc từ ngày 18-9-2020 đến ngày 05-10-2020: 322.300.802 x 17 ngày x 1,66%/tháng = 3.031.776 đồng. Ông G đã thanh toán 10.000.000 đồng, còn thừa 6.968.224 đồng; sau khi trừ số tiền này vào tiền gốc, ông G còn nợ 315.332.579 đồng gốc.

[7.9] Tiền lãi của số tiền 315.332.579 đồng gốc từ ngày 06-10-2020 đến ngày 20-10-2020: 315.332.579 đồng x 14 ngày x 1,66%/tháng = 2.442.776 đồng. Ông G đã thanh toán 10.000.000 đồng, còn thừa 7.557.224 đồng; sau khi trừ số tiền này vào tiền gốc, ông G còn nợ 307.775.355 đồng gốc.

[7.10] Tiền lãi của số tiền 307.775.355 đồng gốc từ ngày 21-10-2020 đến ngày 04-11-2020: 307.775.355 đồng x 14 ngày x 1,66%/tháng = 2.384.233 đồng. Ông G đã thanh toán 10.000.000 đồng, còn thừa 7.615.767 đồng; sau khi trừ số tiền này vào tiền gốc, ông G còn nợ 300.159.588 đồng gốc.

[7.11] Tiền lãi của số tiền 300.159.588 đồng gốc từ ngày 05-11-2020 đến ngày 21-11-2020: 300.159.588 đồng x 16 ngày x 1,66%/tháng = 2.657.413 đồng. Ông G đã thanh toán 20.000.000 đồng, còn thừa 17.342.587 đồng; sau khi trừ số tiền này vào tiền gốc, ông G còn nợ 282.871.001 đồng gốc.

[7.12] Tiền lãi của số tiền 282.871.001 đồng gốc từ ngày 22-11-2020 đến ngày 04-12-2020: 282.871.001 đồng x 12 ngày x 1,66%/tháng = 1.877.905 đồng. Ông G đã thanh toán 10.000.000 đồng, còn thừa 8.122.095 đồng; sau khi trừ số tiền này vào tiền gốc, ông G còn nợ 274.694.906 đồng gốc.

[7.13] Tiền lãi của số tiền 274.694.906 đồng gốc từ ngày 05-12-2020 đến ngày 18-12-2020: 274.694.906 đồng x 13 ngày x 1,66%/tháng = 1.975.972 đồng. Ông G đã thanh toán 10.000.000 đồng, còn thừa 8.024.028 đồng; sau khi trừ số tiền này vào tiền gốc, ông G còn nợ 266.670.878 đồng gốc.

[7.14] Tiền lãi của số tiền 266.670.878 đồng gốc từ ngày 19-12-2020 đến ngày 02-01-2021: 266.670.878 đồng x 14 ngày x 1,66%/tháng = 2.065.810 đồng. Ông G đã thanh toán 10.000.000 đồng, còn thừa 7.934.190 đồng; sau khi trừ số tiền này vào tiền gốc, ông G còn nợ 258.736.688 đồng gốc.

[7.15] Tiền lãi của số tiền 258.736.688 đồng gốc từ ngày 03-01-2021 đến ngày 07-02-2021: 258.736.688 đồng x 01 tháng 04 ngày x 1,66%/tháng = 4.867.700 đồng. Ông G đã thanh toán 5.000.000 đồng, còn thừa 132.300 đồng; sau khi trừ số tiền này vào tiền gốc, ông G còn nợ 258.604.388 đồng gốc.

[7.16] Tiền lãi của số tiền 258.604.388 đồng gốc từ ngày 08-02-2021 đến ngày 11-02-2021: 258.604.388 đồng x 03 ngày x 1,66%/tháng = 429.283 đồng. Ông G đã thanh toán 5.000.000 đồng, còn thừa 4.570.717 đồng; sau khi trừ số tiền này vào tiền gốc, ông G còn nợ 254.033.671 đồng gốc.

[7.17] Tiền lãi của số tiền 254.033.671 đồng gốc từ ngày 12-02-2021 đến ngày 13-4-2022: 254.033.671 đồng x 01 năm 02 tháng 01 ngày x 1,66%/tháng = 59.177.990 đồng.

[7.18] Đối với số tiền 15.670.000 đồng trong Biên nhận nhận tiền (bút lục số 48) mà ông G đã thanh toán cho ông P thông qua ông Sang và ông Đương, do ông G và ông Sang không chứng minh, xác định được ngày giao nhận tiền cụ thể nên không có cơ sở xác định ông G đã đóng lãi vượt mức quy định pháp luật để trừ vào số tiền gốc còn nợ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định khoản tiền này là tiền lãi và trừ vào số tiền lãi mà ông G còn nợ ông P từ ngày 12-02-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể là 59.177.990 đồng - 15.670.000 đồng = 43.507.990 đồng.

[8] Sau khi điều chỉnh, ông G còn nợ ông P số tiền gốc là 254.033.600 đồng (đã làm tròn), lãi là (4.740.800 đồng + 43.507.990 đồng) = 48.248.700 đồng (đã làm tròn), tổng cộng là 302.282.300 đồng.

[9] Từ phân tích, nhận định nêu trên cho thấy kháng cáo của ông Đặng Văn G có căn cứ chấp nhận một phần, nên Hội đồng xét xử sửa một phần án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Thanh P, buộc ông G trả cho ông P số tiền tổng cộng là 302.282.300 đồng, gồm 254.033.600 đồng gốc, 48.248.700 đồng lãi.

[10] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của bà bà Lê Thị Út N và chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đặng Văn G, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự để sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[11] Các phần khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm liên đới trả nợ của bà Lê Thị Út N không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[12] Do án sơ thẩm bị sửa nên án phí, chi phí tố tụng khác được xác định theo quy định tại Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án như sau:

[12.1] Ông Đặng Văn G, bà Lê Thị Út N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Thanh P được chấp nhận là 302.282.300 x 5% = 15.114.100 đồng.

[12.2] Ông Đoàn Thanh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là (500.187.800 đồng - 302.282.300 đồng) x 5% = 9.895.200 đồng.

[12.3] Ông G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà bà Út Năm đã nộp được sung vào công quỹ Nhà nước.

[12.4] Ông Đoàn Thanh P phải chịu 2.040.000 đồng chi phí giám định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 161, khoản 2 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Lê Thị Út N.

II. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đặng Văn G. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 13-4-2022, Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng như sau:

1. Buộc ông Đặng Văn G và bà Lê Thị Út N có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Đoàn Thanh P số tiền tổng cộng là 302.282.300 đồng, gồm 254.033.600 đồng gốc, 48.248.700 đồng lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đặng Văn G, bà Lê Thị Út N phải chịu 15.114.100 đồng.

Trả lại cho ông Đặng Văn G, bà Lê Thị Út N số tiền 5.125.000 đồng tạm ứng án phí phản tố đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007791, ngày 04-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Đoàn Thanh P phải chịu 9.895.200 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 9.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007746 ngày 23-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng; ông Đoàn Thanh P phải nộp thêm số tiền 645.200 đồng.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đặng Văn G không phải chịu, trả lại cho ông Đặng Văn G số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002611 ngày 05-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà Lê Thị Út N đã nộp theo biên lai thu số 0002610 ngày 05-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

2.3. Chi phí giám định: Ông Đoàn Thanh P phải chịu 2.040.000đồng để hoàn trả lại cho ông Đặng Văn G, bà Lê Thị Út N vì ông Đặng Văn G, bà Lê Thị Út N đã nộp tạm ứng trước số tiền này theo phiếu thu số 155GĐ ngày 11/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ

sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thị xã Ngã Năm;
- VKSND T. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự, Phòng KTNV&THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vĩnh Khương